TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRỰC NINH** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29 – 8 – 2019
V/v *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết;

Bà Đoàn Thị Dịu;

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc "xin ly hôn" giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1980; Nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; Tạm trú: Khu phố B, Thị xã P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Vũ Văn K, Sinh năm 1976; Nơi ĐKHKTT: Xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa: chị N có mặt, anh K vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn K kết hôn ngày 06/11/1999 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh K không chịu làm ăn, ham chơi cờ bạc dẫn đến phá tán tài sản gia đình đến nay tài sản nhà của bán hết không còn tài sản gì, từ tháng 3/2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, anh K về nhà bố mẹ đẻ ở, chị N cũng về nhà bố mẹ

ở. Nay chị N xác định tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Về con chung: Chị N và anh K có với nhau hai con chung tên Nguyễn Mạnh Kh sinh ngày 17/10/2000. Hiện cháu đang học Đại học Bưu chính viễn thông ở Hà Nội, cháu Vũ Huy H sinh ngày 14/4/2011 hiện cháu đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được nuôi cháu H, anh K được nuôi cháu Kh theo nguyện vọng của các con, chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, và các vấn đề khác trong hôn nhân không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vũ Văn K có bản tự khai và tại biên bản hòa giải trình bày: Về thời gian điều kiện kết hôn và con chung như chị N trình bày, về nguyên nhân mâu thuẫn, vài năm gần đây anh có ham chơi nên làm thất thoát tài sản, anh K vẫn có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ, nếu chị N vẫn cố tình ly hôn, anh K cũng nhất trí, về con chung anh xin được nuôi cháu Vũ Huy H, chị N nuôi cháu Vũ Mạnh Kh. Tài sản và các vấn đề khác không có, không yêu càu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị N vẫn giữ quan điểm xin ly hôn anh K. Về con chung chị N có nguyện vọng được nuôi cháu H, anh K được nuôi cháu Kh theo nguyện vọng của các con, chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX, thư ký đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Vũ Văn K. Về con chung, giao chị N được quyền nuôi dưỡng cháu cháu H, anh K được nuôi cháu Kh theo nguyện vọng của các cháu. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản và các vấn đề khác không có, không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà - Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị N và anh K đều cư trú tại xóm H, xã P, huyện T, tỉnh Nam Định; nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam

Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh đã triệu tập tham gia phiên tòa 02 lần nhưng anh K không chấp hành, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Toà án xác định anh K cố tình lẩn tránh do vậy tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn K kết hôn ngày 06/11/1999 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không hạnh phúc nguyên nhân là do anh K không chịu làm ăn ham chơi cờ bạc làm phá tán tài sản, nay chị N có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K. Anh K có nguyện vọng xin được đoàn tụ nhưng không có biện pháp nào để khắc phục tình trạng mâu thuẫn. HĐXX xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị N và anh K đã thực sự tan vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N, như vậy là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị N và anh K có với nhau hai con chung tên Nguyễn Mạnh Kh sinh ngày 17/10/2000. Hiện cháu đang học Đại học Bưu chính viễn thông ở Hà Nội, cháu Vũ Huy H sinh ngày 14/4/2011 hiện cháu đang ở với chị N. Chị N có nguyện vọng được nuôi cháu H, anh K được nuôi cháu Kh theo nguyện vọng của các con, chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Kh có đơn xin ở với bố, cháu H có đơn xin ở với mẹ. HĐXX chấp nhận nguyện vọng nuôi con của chị N và ý kiến của các cháu như vậy là phù hợp với quy định của điều 81 luật HN&GĐ năm 2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản và các vấn đề khác không có, HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Xử cho chị Nguyễn Thị N ly hôn anh Vũ Văn K.

2. Về con chung: Giao chị N được quyền nuôi dưỡng cháu Vũ Huy H sinh ngày 14/4/2011. Giao anh K được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Mạnh Kh sinh ngày 17/10/2000. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.Án phí: Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Chị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số BB/2012/04972 ngày 29/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trực Ninh (Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm).

Chị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự; có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định: 1bản
- VKSND huyện Trực Ninh: 2 bản
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh: 1 bản
- UBND xã: 1 bản
- Đương sự: 2 bản
- Lưu HSVA; VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký và đóng dấu)

Mai Xuân Mạnh